TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HC-PT
Ngày 09 - 01 - 2019
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba.

Ông Trần Xuân Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 410/2018/TLPT-HC ngày 16 tháng 8 năm 2018 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2018/HC - ST ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1902/2018/QĐPT-HC ngày 17 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*:

1/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 (có mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1953 (có mặt).

Cùng địa chỉ: 3/69D ấp NT 1, xã TTN, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: 137/5, xã XTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: 3/69A ấp NT 1, xã TTN, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà Nh, bà N, ông Ng: Ông Tô Văn L, sinh năm 1977 (theo giấy ủy quyền ngày 05/9/2015-có mặt).

Địa chỉ: 6/6A ấp HT, xã TTN, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HM (vắng mặt).

Địa chỉ: 01 LNĐ, thị trấn HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Lâm T1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện HM (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Công H – Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện HM (vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Văn Gh, sinh năm 1959 (có mặt).

3/ Bà Nguyễn Thị U, sinh năm: 1938 (có mặt).

Cùng địa chỉ: 3/69A ấp NT 1, xã TTN, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện: Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Nguồn gốc 4.280,9m^2 thuộc một phần các thửa 196, 197, 198, 260, 261, 300, 301, 303 tờ bản đồ số 7, xã TTN, huyện HM nằm trong diện tích đất do ông Nguyễn Văn L đứng bộ trước năm 1975. Sau khi ông L chết thì ông Nguyễn Văn Kh và bà Huỳnh Thị Ng1 quản lý sử dụng (ông Kh và bà Ng1 có các con chung là: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn Gh, Nguyễn Thị U). Năm 1974, ông Kh chết thì bà Ng1 và các con tiếp tục sử dụng. Khi còn sống, bà Ng1 đã kê khai đăng ký sử dụng đất diện tích 19.200m^2 và đã cho ông T, ông Ng mỗi người 2000m^2. Bà Ng1 chết năm 1994 không để lại di chúc nên ông T, ông Ng, ông Gh, bà Nh, bà N và bà U cùng sử dụng cho đến nay. Năm 1995, ông Gh làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với toàn bộ phần đất trên nên phát sinh tranh chấp giữa các anh chị em với nhau.

Ngày 11/6/2014, Chủ tịch UBND huyện HM ban hành Quyết định số 4670/QĐ-UBND, có nội dung: Công nhận cho ông Gh được quyền sử dụng 4.280,9m^2. Ông T, ông Ng, bà Nh, bà N, bà U không đồng ý và đã khiếu nại nên ngày 08/8/2015, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3887/QĐ-UBND, có nội dung giữ nguyên Quyết định số 4670/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện HM. Quyết định số 3887/QĐ-UBND là trái pháp luật vì các lý do: Bà Ng1 đã đăng ký đất trong tờ Trích lục địa bộ từ năm 1982. Bà Ng1 chết không để lại di chúc nên quyền sử dụng đất thuộc về tất cả các các con. Năm

1995, ông Gh lén lút đăng ký kê khai sử dụng đất, được UBND xã TTN xác nhận là trái pháp luật nên không có giá trị pháp lý. Chi cục Thuế huyện HM xác nhận phần đất trên chưa ai kê khai nộp thuế. Vì vậy, người khởi kiện cầu hủy Quyết định 3887/QĐ-UBND ngày 08/8/2015 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Diện tích 4.280,9m^2 thuộc một phần các thửa 196, 197, 198, 260, 261, 262, 300, 301, 303 tờ bản đồ số 7 (theo tài liệu 02/CT-UB) xã TTN có nguồn gốc do ông L đứng bộ trước năm 1975. Sau khi ông L chết, đất để lại cho vợ chồng ông Kh và bà Ng1 quản lý sử dụng. Năm 1974, ông Kh chết, đất để lại cho bà Ng1 cùng các con canh tác. Hồ sơ địa chính tại UBND xã TTN thể hiện: Theo Tài liệu 299/TTg, phần đất 4.280,9m^2 thuộc thửa 1052, 1053 và thửa 1055, tờ bản đồ số 3, loại đất ĐM và LM do bà Huỳnh Thị Ng2 kê khai đăng ký. Tài liệu 02/CT-UB thể hiện: Phần đất thuộc các thửa 196, 197, 198, 260, 261, 262, 300, 301, 303 tờ bản đồ số 7, xã TTN, ông Gh đăng ký thửa 300 và thửa 301, các thửa còn lại không ai quản lý. Bản đồ số năm 2005 thể hiện: Phần đất trên thuộc các phần thửa 26, 28 và 44, tờ bản đồ số 61, loạt đất TV và Ao. Thửa 26 và thửa 44 do ông Gh đăng ký, thửa 28 do bà Nguyễn Thị Ch đăng ký (bà Ch là em ruột ông Kh, là cô ruột của và Gh). Kiểm tra thực địa, vị trí phần đất tranh chấp được xác định theo bản đồ hiện trạng số 77102/CNHM do Trung tâm Đo đạc bản đồ lập ngày 23/8/2010, đã xác định: Khuôn viên đất được bao bọc bởi hàng rào kẽm gai và các trụ xi măng do ông Gh làm năm 1998. Kết quả xác minh ngày 14/10/2014 và ngày 27/01/2015 tại UBND xã TTN thể hiện ông Gh có quá trình quản lý sử dụng đất từ năm 1994 đến nay.

Năm 2009, ông Gh đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các anh chị em ngăn cản dẫn đến phát sinh tranh chấp tại Tòa án. Ngày 23/4/2009, Tòa án nhân dân huyện HM có Thông báo số 05/TAHHM-TB trả lại đơn khởi kiện cho các ông bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị U do không đủ điều kiện khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung. Ông Gh tiếp tục có đơn tranh chấp gửi UBND xã TTN. Sau khi tiến hành hòa giải nhiều lần không thành nên việc tranh chấp được giải quyết theo quy định pháp luật. Ngày 11/6/2014, Chủ tịch UBND huyện HM ban hành Quyết định số 4670/QĐ-UBND giải quyết đơn của ông Gh tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Ng, ông T, bà N và bà U với nội dung: Công nhận quyền sử dụng diện tích 4.280,9m^2 thuộc một phần các thửa 196, 197, 198, 260,261, 300, 301 và 303, tờ bản đồ số 7 (tài liệu 02/CT-UB), xã TTN cho ông Gh. Ghi nhận việc ông Gh tự nguyện hỗ trợ cho bà N 150.000.000 đồng, ông T, ông Ng và bà Nh, mỗi người 120.000.000 đồng. Ngày 08/8/2015, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3887/QĐ-UBND, có nội dung: Công nhận nội dung Quyết định số 4670/QĐ-UBND. Vì vậy, Quyết định số 3887/QĐ-UBND là đúng pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chủ tịch UBND huyện HM trình bày: Ngày 18/02/2014, ông Gh có đơn đề nghị Chủ tịch UBND huyện HM giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Ng, ông T, bà Nh, bà N và bà Thị U. Do ông Gh có quá trình canh tác, sử dụng diện tích 4.280,9m^2 từ năm 1981 cho đến nay, phù hợp với quá trình kê khai, đăng ký đất theo Thông báo số 126/TB-UBND ngày 02/11/2010 của UBND xã TTN. Trong quá trình sử dụng, ông Gh đã làm hàng rào riêng biệt từ năm 1998. Căn cứ khoản 4 Điều 5 Luật Đất đai năm 2003 thì ông Gh là người sử dụng đất ổn định và liên tục từ năm 1981 cho đến nay. Do đó, ngày 11/6/2014, Chủ tịch UBND huyện HM ban hành Quyết định số 4670/QĐ-UBND công nhận quyền sử dụng đất 4.280,9m^2 cho ông Gh là đúng pháp luật.

Ông Nguyễn Văn Gh trình bày: Xác định nguồn gốc 4.280,9m^2 như người khởi kiện trình bày là đúng. Năm 1981, sau khi xuất ngũ thì ông Gh được bà Ng1 cho phần đất này. Năm 1994, bà Ng1 chết, ông Gh tiếp tục quản lý sử dụng và đã làm hàng rào ngăn cách với các phần đất lân cận, có đăng ký sử dụng đất và được chính quyền địa phương chấp nhận. Năm 2009, ông Gh làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị tranh chấp cho đến nay. Chủ tịch UBND huyện HM ban hành Quyết định số 4670/QĐ-UBND, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3887/QĐ-UBND là đúng pháp luật.

Bà Nguyễn Thị U trình bày: Nguồn gốc diện tích 4.280,9m^2 đất tranh chấp như các đương sự trình bày là đúng. Bà Ng1 cho ông Gh phần đất này từ năm 1981. Ông Gh là người sử dụng đất, có làm hàng rào xung quanh. Bà U không đồng ý yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2018/HC- ST ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng Khoản 1, điểm a Khoản 2 Điều 104 Luật tố tụng hành chính năm 2010; Khoản 1 Điều 30, Khoản 3 Điều 32, Khoản 1 Điều 157; điểm a Khoản 2 Điều 193, Khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Khoản 9 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của các ông bà Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn Ng yêu cầu hủy Quyết định số 3887/QĐ-UBND ngày 08/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Ng, bà Nguyễn Thị Nh và bà Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Văn Gh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/01/2018, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông L để lại cho ông Kh, bà Ng1. Bà Ng1 là người đăng ký sử dụng đất. Bà Ng1 chết không để lại di chúc nên tất cả

anh em cùng có quyền sử dụng. Việc ông Gh đăng ký năm 1995 mà không được sự đồng ý của anh em trong gia đình nhưng lại được UBND xã xác nhận là không đúng quy định. Quyết định số 4670/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện HM trái pháp luật. Quyết định số 3887/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh công nhận Quyết định số 4670/QĐ-UBND nên cũng trái pháp luật. Ngoài ra, quá trình giải quyết khiếu nại Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh không tổ chức đối thoại là sai. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy Quyết định số 3887/QĐ-UBND.

Ông Gh trình bày: Ông là người sử dụng đất từ 1981 đến nay, có làm hàng rào riêng biệt, đã đăng ký sử dụng đất và được UBND xã TTN xác nhận.

Bà U trình bày: Bà là con của ông Kh, bà Ng1. Bà U xác nhận diện tích 4.280,9m^2 hiện do ông Gh sử dụng là do bà Ng1 cho. Ông Gh là người sử dụng đất.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Các đương sự thống nhất diện tích tranh chấp 4.280,9m^2 có nguồn gốc của ông L để lại cho ông Kh, bà Ng1. Việc ông Gh sử dụng từ năm 1981, đã đăng ký sử dụng đất và được UBND xã TTN xác nhận, ông Gh đã làm hàng rào xung quanh đất nên được xác định là người sử dụng đất. Quyết định số 4670/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện HM hợp pháp nên Quyết định số 3887/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh công nhận Quyết định số 4670/QĐ-UBND là đúng pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của người khởi kiện, gồm ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị N đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3887/QĐ-UBND ngày 08/8/2015 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 3 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Xét Quyết định số 4670/QĐ-UBND ngày 11/6/2014 của Chủ tịch UBND huyện HM, thấy rằng:

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành: Diện tích 4.280,9m^2 thuộc một phần các thửa 196, 197, 198, 260, 261, 262, 300, 301, 303 tờ bản đồ số 7, xã Tân Thới Thì, huyện HM chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo

quy định của Luật đất đai. Ngày 18/02/214, ông Nguyễn Văn Gh tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất trên nên ngày 11/6/2014, Chủ tịch UBND huyện HM ban hành Quyết định số 4670/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của ông Gh tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Ng, ông T, bà Nh, bà N và bà U, có nội dung công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp 4.280,9m^2 cho ông Gh là đúng quy định tại Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp và quá trình sử dụng đất: Diện tích 4.280,9m^2 thuộc một phần các thửa 196, 197, 198, 260, 261, 262, 300, 301, 303 tờ bản đồ số 7, được xác định theo Bản đồ hiện trạng số 77102/CNHM do Trung tâm Đo đạc bản đồ Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 23/8/2010 có nguồn gốc của ông L đứng bộ trước năm 1975. Sau khi ông L chết, ông Kh và bà Ng1 tiếp tục sử dụng. Năm 1974, ông Kh chết, bà Ng1 và các con cùng sử dụng.

[2.2.2] Hồ sơ địa chính tại UBND xã TTN thể hiện: Theo tài liệu 299/TTg thì diện tích 4.280,9m^2 thuộc thửa 1052, 1053 và 1055 tờ bản đồ số 3, loại đất ĐM và LM do bà Ng1 kê khai đăng ký. Tài liệu 02/CT-UB thể hiện: Các thửa 196, 197, 198, 261, 262 tờ bản đồ số 7, xã TTN không có thông tin kê khai đăng ký. Thửa 260 do bà Nguyễn Thị Ch kê khai đăng ký. Thửa 300 do ông Trần Văn H kê khai đăng ký, ông Nguyễn Văn Gh đăng ký thửa 301 và thửa 303. Tài liệu bản đồ năm 2005 thể hiện: Các thửa 25, 26 và thửa 44, tờ bản đồ số 61 loại đất TV và Ao do ông Nguyễn Văn Gh đăng ký, thửa 28 do bà Nguyễn Thị Ch đăng ký (bà Ch là em ruột ông Nguyễn Văn Kh là cô ruột ông Gh). Tại Thông báo số 126/TB-UBND ngày 02/11/2010 của UBND xã TTN có nội dung xác nhận ông Gh đăng ký sử dụng đất tranh chấp từ năm 1995. Tại đơn xin móc ao nuôi cá ngày 14/11/1995 của ông Gh, được UBND xã TTN có nội dung: Chấp thuận cho ông Gh được cải tạo vùng đất trũng thành ao nuôi cá diện tích 2.029m^2 lô 261 tờ bản đồ số 7 xã TTN, huyện HM.

[2.2.3] Tại biên bản làm việc ngày 14/10/2014 và ngày 27/01/2015 tại UBND xã TTN thể hiện: Ông Gh có quá trình quản lý sử dụng đất từ năm 1994 đến nay. Bản đồ hiện trạng số 77102/CNHM ngày 23/8/2010 thể hiện vị trí đất tranh chấp được xác định như sau: Khuôn viên đất được bao bọc bởi hàng rào kẽm gai và các trụ xi măng, do ông Gh lập vào năm 1998, gồm các phần đất trống hiện trồng cây (diện tích 1.405,7m^2) và ao (diện tích 2.875,2m^2). Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 21/11/2017, thể hiện: Ông Ng, ông T, bà N, bà Nh, cùng với ông Gh, bà U, bà Nguyễn Thị Ch và ông Trần Văn H thống nhất theo hiện trạng vị trí sử dụng tài liệu 2005 và Bản đồ hiện trạng vị trí số 77102/CNHM ngày 27/7/2010 do Trung tâm Đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập.

[2.3] Như vậy, có căn cứ xác định ông Gh sử dụng 4.280,9m^2 từ năm 1981, phù hợp với quá trình kê khai đăng ký đất, trong quá trình sử dụng, ông Gh đã làm hàng rào xung quanh khu đất từ năm 1998. Vì vậy, Chủ tịch UBND huyện HM ban hành Quyết định số 4670/QĐ-UBND có nội dung công nhận cho ông Gh được quyền sử dụng 4.280,9m^2 là có căn cứ, đúng quy định.

[3] Xét Quyết định số 3887/QĐ-UBND ngày 08/8/2015 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, thấy rằng:

[3.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành: Quyết định số 3887/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 4670/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện HM. Như vậy, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3887/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 21, 40 Luật Khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 39 Luật Khiếu nại năm 2011 thì khi giải quyết khiếu nại lần hai, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải tổ chức đối thoại. Việc không tổ chức đối thoại là chưa đúng trình tự quy định.

[3.2] Về nội dung: Do Quyết định số 4670/QĐ-UBND là đúng pháp luật nên Quyết định số 3887/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh là hợp pháp.

[4] Mặc dù, trước khi ban hành Quyết định số 3887/QĐ-UBND, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh không tiến hành đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại, hướng giải quyết khiếu nại là không đúng quy định tại Điều 39 Luật Khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, vi phạm trên không làm thay đổi bản chất sự việc nên việc hủy Quyết định số 3887/QĐ-UBND là không cần thiết. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng việc giải quyết khiếu nại lần hai không phải tổ chức đối thoại là không chính xác, cần rút kinh nghiệm về sai sót này.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông T, bà Nh, bà N và ông Ng là có căn cứ. Tại phiên tòa, người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T, bà Nh, bà N và ông Ng phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Khoản 1 Điều 30; khoản 3, Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015; khoản 9 Điều 3, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Ng.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2018/HCST ngày 03/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bác khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Ng yêu cầu hủy Quyết định số 3887/QĐ-UBND ngày

08/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Ng với ông Nguyễn Văn Gh.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Ng phải chịu 200.000 *(hai trăm ngàn)* đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 09347 ngày 07/10/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T, bà Nh, bà N, ông Ng đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Ng, mỗi người phải chịu 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0049374, 0049375, 0049376 ngày 13/8/2018 và biên lai số 0044168 cùng ngày 05/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông T, bà Nh, bà N, ông Ng đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 09 tháng 01 năm 2019)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Đức Phương

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Các đương sự (10);
- Lưu: VP (3), HS (2) 20b (MTTT)